

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 622/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2022

V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Ông Huỳnh Văn Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 35/5G Ấp 1, xã X, huyện H, Thành phố Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số 27/2D Tổ 11, Ấp 1, xã X, huyện H, Thành phố Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị P (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 35/5G Ấp 1, xã X, huyện H, Thành phố Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số 27/2D Tổ 11, Ấp 1, xã X, huyện H, Thành phố Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị P sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 10/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới, vợ chồng ông Nguyễn Văn M chung sống tại địa chỉ số 35/5G ấp 1, xã X, huyện H, Thành phố Chí Minh.

Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng ông Nguyễn Văn M chung sống hạnh phúc. Sau đó, giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn M phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị P bất đồng về quan điểm sống, về cách nuôi dạy con cái nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, xúc phạm nhau. Đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung. Đặc biệt từ năm 2012, bà Lê Thị P bắt đầu thay đổi giới tính, quen biết một chị gái khác, không còn sự quan tâm tới gia đình, để

mặc một mình ông Nguyễn Văn M phải chăm sóc hai con và mẹ của bà Lê Thị P. Từ đó vợ chồng ông Nguyễn Văn M cãi nhau thường xuyên hơn. Dù cố gắng hàn gắn, nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không được cải thiện. Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị P đã sống ly thân từ sau khi nộp đơn ở Tòa án đến nay. Trong thời gian sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông Nguyễn Văn M nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Văn M yêu cầu Tòa án cho ông ly hôn với bà Lê Thị P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phúc Đ (sinh ngày 12/8/2008) và Nguyễn Ngọc Bảo H (sinh ngày 11/7/2010). Ông Nguyễn Văn M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ Đ và trẻ H, không yêu cầu bà Lê Thị P cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại trẻ Đ, trẻ H đang sống cùng ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M chăm sóc, nuôi dạy con, đưa đón con đi học hàng ngày. Nên sau khi ly hôn, để đảm bảo các con có cuộc sống ổn định, không bị thay đổi sinh hoạt hàng ngày, ông Nguyễn Văn M có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung. Công việc của ông Nguyễn Văn M ổn định, thu nhập đủ để nuôi các con nên ông Nguyễn Văn M không yêu cầu bà Lê Thị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn bà Lê Thị P: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Lê Thị P nhưng bà Lê Thị P vắng mặt không lý do, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn bà Lê Thị P đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyển số 01/2007 do

Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/8/2007 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị P là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn M: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Lê Thị P không cung cấp lời khai, không giao nộp chứng cứ, không đưa ra ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của ông Nguyễn Văn M để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo như lời khai của ông Nguyễn Văn M thì mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2012, mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Văn M với bà Lê Thị P trở nên trầm trọng hơn, vì bà Lê Thị P quen biết thân thiết với chị gái khác, không còn sự quan tâm tới gia đình, để mặc một mình ông Nguyễn Văn M phải chăm sóc hai con và mẹ của bà Lê Thị P. Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị P sống ly thân từ sau khi nộp đơn ở Tòa án đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng bà Lê Thị P vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để vợ chồng trở về sống chung với nhau. Hiện nay, ông Nguyễn Văn M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với bà Lê Thị P. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị P đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Lê Thị P.

[6] Về con chung: Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị P có 02 con chung tên Nguyễn Phúc Đ (sinh ngày 12/8/2008) và Nguyễn Ngọc Bảo H (sinh ngày 11/7/2010). Khi ly hôn ông Nguyễn Văn M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Đ và H. Hội đồng xét xử nhận định trẻ Đ, trẻ H hiện đang sống chung với ông Nguyễn Văn M, các con có cuộc sống ổn định, để tránh bị thay đổi sinh hoạt hàng ngày, cũng như yêu cầu của ông Nguyễn Văn M phù hợp với nguyện vọng của trẻ Đ, trẻ H cũng như phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn M không yêu cầu bà Lê Thị P cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử quyết định tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà Lê Thị P cho đến khi có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, ông Nguyễn Văn M phải chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Lê Thị P.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phúc Đ (sinh ngày 12/8/2008) và Nguyễn Ngọc Bảo H (sinh ngày 11/7/2010).

Giao Nguyễn Phúc Đ và Nguyễn Ngọc Bảo H cho ông Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà Lê Thị P cho đến khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông Nguyễn Văn M đã nộp theo biên lai số AA/2021/0038707 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã X, huyện H;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Quỳnh Như

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Quỳnh Như